

第36回西日本フェンシング選手権大会
U-10 Men's Foil
Round #1
2024/02/11

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #174

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
上田, 廉 松山JR.FC	1		V5	D1	V5	V5	V5	4	21	11	+10	2
前川, 裕貴 KIAFC	2	D4		D1	D4	V5	V5	2	19	19	0	3
木村, 新 香川JR.FC	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	25	4	+21	1
松坂, 陸央 広瀬町FC	4	D1	V5	D2		V5	D3	2	16	19	-3	4
川口, 稜太 和歌山エスクリムズ	5	D0	D2	D0	D0		D3	0	5	25	-20	6
中村, 篤英 京都フューチャーFC	6	D1	D2	D0	V5	V5		2	13	21	-8	5

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	上田, 廉 vs. 前川, 裕貴	V5 - D4	
2	4 vs. 3	松坂, 陸央 vs. 木村, 新	D2 - V5	
3	6 vs. 5	中村, 篤英 vs. 川口, 稜太	V5 - D3	
4	3 vs. 1	木村, 新 vs. 上田, 廉	V5 - D1	
5	2 vs. 6	前川, 裕貴 vs. 中村, 篤英	V5 - D2	
6	5 vs. 4	川口, 稜太 vs. 松坂, 陸央	D0 - V5	
7	1 vs. 6	上田, 廉 vs. 中村, 篤英	V5 - D1	
8	3 vs. 5	木村, 新 vs. 川口, 稜太	V5 - D0	
9	4 vs. 2	松坂, 陸央 vs. 前川, 裕貴	V5 - D4	
10	5 vs. 1	川口, 稜太 vs. 上田, 廉	D0 - V5	
11	6 vs. 4	中村, 篤英 vs. 松坂, 陸央	V5 - D3	
12	2 vs. 3	前川, 裕貴 vs. 木村, 新	D1 - V5	
13	1 vs. 4	上田, 廉 vs. 松坂, 陸央	V5 - D1	
14	5 vs. 2	川口, 稜太 vs. 前川, 裕貴	D2 - V5	
15	3 vs. 6	木村, 新 vs. 中村, 篤英	V5 - D0	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

第36回西日本フェンシング選手権大会
U-10 Men's Foil
Round #1
2024/02/11

Pool # 2	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #175

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
米田, 旺永 安来FC	1		D4	V5	V5	D0	2	14	11	+3	3
國友, 寛太 和歌山エスクリムズ	2	V5		V5	V5	D3	3	18	9	+9	2
松坂, 陸玖 広瀬町FC	3	D0	D0		V5	D3	1	8	17	-9	4
船田, 紘成 京都フューチャーFC	4	D1	D0	D2		D1	0	4	20	-16	5
曾根, 三蔵 レ・フレール愛媛	5	V5	V5	V5	V5		4	20	7	+13	1

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	米田, 旺永 vs. 國友, 寛太	D4 - V5	
2	3 vs. 4	松坂, 陸玖 vs. 船田, 紘成	V5 - D2	
3	5 vs. 1	曾根, 三蔵 vs. 米田, 旺永	V5 - D0	
4	2 vs. 3	國友, 寛太 vs. 松坂, 陸玖	V5 - D0	
5	5 vs. 4	曾根, 三蔵 vs. 船田, 紘成	V5 - D1	
6	1 vs. 3	米田, 旺永 vs. 松坂, 陸玖	V5 - D0	
7	2 vs. 5	國友, 寛太 vs. 曾根, 三蔵	D3 - V5	
8	4 vs. 1	船田, 紘成 vs. 米田, 旺永	D1 - V5	
9	3 vs. 5	松坂, 陸玖 vs. 曾根, 三蔵	D3 - V5	
10	4 vs. 2	船田, 紘成 vs. 國友, 寛太	D0 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

第36回西日本フェンシング選手権大会
 U-10 Men's Foil
 Round #1
 2024/02/11

Pool # 3	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #176

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
原内, 翼 香川J.R.F.C	1		D2	D0	D2	D1	0	5	20	-15	5
中村, 太玖翔 和歌山エスクリムズ	2	V5		D1	D3	D1	1	10	17	-7	4
林川, 琉真 はしまモアFC	3	V5	V5		V4	D2	3	16	8	+8	2
高橋, 悠乃 安来FC	4	V5	V5	D2		D0	2	12	14	-2	3
兼松, 作弥 NEXUSFC	5	V5	V5	V5	V5		4	20	4	+16	1

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	原内, 翼 vs. 中村, 太玖翔	D2 - V5	
2	3 vs. 4	林川, 琉真 vs. 高橋, 悠乃	V4 - D2	
3	5 vs. 1	兼松, 作弥 vs. 原内, 翼	V5 - D1	
4	2 vs. 3	中村, 太玖翔 vs. 林川, 琉真	D1 - V5	
5	5 vs. 4	兼松, 作弥 vs. 高橋, 悠乃	V5 - D0	
6	1 vs. 3	原内, 翼 vs. 林川, 琉真	D0 - V5	
7	2 vs. 5	中村, 太玖翔 vs. 兼松, 作弥	D1 - V5	
8	4 vs. 1	高橋, 悠乃 vs. 原内, 翼	V5 - D2	
9	3 vs. 5	林川, 琉真 vs. 兼松, 作弥	D2 - V5	
10	4 vs. 2	高橋, 悠乃 vs. 中村, 太玖翔	V5 - D3	

Referee: _____ Scorekeeper: _____